

Ngôn ngữ văn hóa và ngôn ngữ văn chương

NGUYỄN THIỆN GIÁP

Thuật ngữ « ngôn ngữ văn học » lâu nay được dùng khi thì với nghĩa « ngôn ngữ văn hóa », khi thì với nghĩa « ngôn ngữ văn chương ». Trong bài này, chúng tôi sẽ phân biệt hai khái niệm đó.

I — NGÔN NGỮ VĂN HÓA

Ngôn ngữ văn hóa là một cái mốc lớn trên con đường phát triển của ngôn ngữ dân tộc. Ở một số nước, ngôn ngữ văn hóa có thể hình thành vào thời kỳ trước khi dân tộc phát triển. Khi đó, nhân dân từng địa phương vẫn nói tiếng nói riêng của mình, nhưng trên phạm vi toàn quốc gia, cần phải có một phương tiện giao tiếp chung, phục vụ trước hết cho nhà thờ, tôn giáo, cho việc viết sách và công việc hành chính. Nhu cầu ấy đã đẻ ra ngôn ngữ văn hóa. Như thế, *ngôn ngữ văn hóa trong thời kỳ này chỉ là phương tiện giao tiếp trên phương ngôn, được dùng trong hành chính, trường học, tôn giáo, nói chung là ngôn ngữ sách vở.* Thường thường, người ta dùng một từ ngữ hay một tiếng nước ngoài làm ngôn ngữ văn hóa. Tiếng La tinh đã là ngôn ngữ văn hóa cho rất nhiều nước ở châu Âu. Ở Việt Nam, suốt một thời gian dài, chữ Hán đã được dùng làm văn tự chính thức của nhà nước. Những sắc phong, chiếu chỉ, thơ phú, thậm chí việc học hành, thi cử đều dùng chữ Hán. Những ngôn ngữ văn hóa như vậy xa lạ với các ngôn ngữ dân tộc.

Khi các quốc gia và các ngôn ngữ dân tộc của chúng phát triển, *ngôn ngữ văn hóa dân tộc* ra đời. Ngôn ngữ văn hóa dân tộc dựa trên ngôn ngữ nói của toàn dân tộc, nhưng nó có tính chất thống nhất hết sức to lớn. Ngôn ngữ văn hóa dân tộc hoạt động theo những qui tắc chặt chẽ được gọi là chuẩn mực. Nó lựa chọn những đơn vị, những phương tiện ngôn ngữ đáp ứng nhiều nhất cho những yêu cầu của toàn dân tộc, tức bỏ những hạn chế có tính chất địa phương và xã hội, làm cho chúng trở thành những hiện tượng có tính chất thống nhất đối với toàn dân tộc. Sự phân biệt *ngôn ngữ dân tộc* và *ngôn ngữ văn hóa dân tộc* chỉ có nghĩa là một bên thì chúng ta có ngôn ngữ nguyên liêu, còn một bên thì chúng ta có ngôn ngữ đã được gọt rửa, trau chuốt. Ngôn ngữ dân tộc là nguồn bổ sung vô tận cho ngôn ngữ văn hóa. Ngược lại, ngôn ngữ văn hóa là đòn bẩy làm cho dân tộc và ngôn ngữ dân tộc ngày càng thống nhất.

Ngôn ngữ văn hóa dân tộc là biểu hiện tập trung tính thống nhất của ngôn ngữ dân tộc, nhưng nó không phải là nhất dạng mà cũng có những biến thể

khác nhau. Tùy theo hoàn cảnh và mục đích giao tiếp, việc lựa chọn các phương tiện biểu hiện không giống nhau. Do đó đến đây sự tập trung của những phong cách chức năng khác nhau. Phong cách chức năng của ngôn ngữ là những biến thể của ngôn ngữ được hình thành trong quá trình phát triển lịch sử. Mỗi phong cách phụ vụ cho một mặt, một lĩnh vực hoạt động của đời sống xã hội. Những phong cách chủ yếu là: phong cách hội thoại và phong cách sách vở. Phong cách sách vở có thể chia ra: phong cách khoa học, phong cách hành chính - sự vụ, phong cách chính luận. Phong cách của các tác phẩm văn học nghệ thuật là một loại phong cách đặc biệt, nó có thể mang đặc trưng của nhiều phong cách. Phong cách khoa học và phong cách hành chính — sự vụ chủ yếu đảm nhận chức năng thông báo, Phong cách chính luận và phong cách văn chương nghệ thuật mang chức năng tác động. Phong cách hội thoại có chức năng giao tiếp. Mỗi phong cách có những nguyên tắc lựa chọn, kết hợp và tổ chức các phương tiện ngôn ngữ riêng của mình.

Phong cách hội thoại hình thành trong một điều kiện đặc biệt là người nói và người nghe trực tiếp nói chuyện với nhau một cách tự nhiên. Vì vậy, hoàn cảnh giao tiếp và những phương tiện phi ngôn ngữ (nhét mặt, điệu bộ, phản ứng của người đối thoại...) có một vai trò quan trọng. Trong phong cách hội thoại, người ta sử dụng rộng rãi những phương tiện như: ngữ điệu, trọng âm, chỗ ngừng, nhịp điệu, những thành ngữ, quán ngữ và những đơn vị từ vựng có tính biểu cảm. Về cú pháp, trong phong cách hội thoại, thường có hiện tượng câu tỉnh lược câu không đầy đủ, câu một từ, hiện tượng lặp từ, những từ hô khẩu v.v... Những qui tắc ngữ pháp thường cũng không chặt chẽ lắm.

Phong cách hành chính — sự vụ là phong cách của các công văn, các hiệp định quốc tế, các văn bản nhà nước, các luật lệ, các nghị quyết, chỉ thị các bằng khai, các giấy tờ hành chính v.v... Đặc điểm chung của phong cách hành chính — sự vụ là:

1. Trình bày ngắn gọn, có đọng, tiết kiệm các phương tiện ngôn ngữ.
2. Sắp xếp tài liệu theo một tiêu chuẩn nhất định một hình thức nhất định (chứng minh thư, bằng tốt nghiệp, giấy khai sinh, giấy đăng ký kết hôn, các biên lai về tiền nong...), sử dụng những lối nói có tính khuôn mẫu của phong cách ấy.
3. Sử dụng rộng rãi những thuật ngữ, danh pháp (về luật pháp, ngoại giao, quân sự, hành chính...), những từ ngữ đặc biệt về văn phòng, hành chính, những từ rút gọn, những chữ viết tắt.
4. Trình bày theo kiểu tương thuật, có xu hướng dùng những câu phức phản ánh mối liên hệ lô gích của sự kiện này với sự kiện khác.
5. Hầu như không sử dụng những phương tiện ngôn ngữ có tính chất biểu cảm.

Ngôn ngữ báo chí thuộc vào phạm vi của phong cách chính luận. Đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ báo chí là:

1. Trình bày ngắn gọn, súc tích
2. Lựa chọn những phương tiện ngôn ngữ để biểu

3. Sử dụng những từ ngữ chính trị—xã hội, những chuyển nghĩa từ vựng của các phong cách khác cho hợp với văn chính luận

4. Đa dạng về thể loại và các phương tiện ngôn ngữ

5. Phối hợp những đặc điểm của phong cách chính luận với những đặc điểm của những phong cách khác

6. Dùng những khuôn ngôn ngữ đặc trưng cho phong cách báo chí.

7. Sử dụng những phương tiện biểu cảm như: câu hỏi tu từ, từ cảm thán, cấu trúc song song, hiện tượng lặp, đảo...

Phong cách khoa học được qui định bởi nội dung và mục đích của thông báo khoa học: giải thích đầy đủ và chính xác các hiện tượng thực tế, chỉ ra những liên hệ nhân quả giữa các hiện tượng, thể hiện tính qui luật của sự phát triển lịch sử. Đặc điểm của phong cách khoa học là trình bày lô gích, nhất quán kết cấu chặt chẽ giữa các phần, lối kể chính xác, ngắn gọn và súc tích. Trong phong cách khoa học, người ta thường dùng những từ ngữ trừu tượng, những kiểu khuôn khác nhau của phong cách khoa học. Về cú pháp, phong cách khoa học thường dùng những kết cấu phức tạp. Đó là hình thức tốt nhất để thể hiện hệ thống những khái niệm khoa học, để xác định những quan hệ lẫn nhau giữa các khái niệm. Trong các tác phẩm khoa học có tính chất bút chiến, người ta thường dùng những phương tiện ngôn ngữ gợi hình, gợi cảm. Đó là những thủ thuật bổ sung nổi lên trên cái nền của sự trình bày khoa học thuần túy

II - NGÔN NGỮ VĂN CHƯƠNG

Ngôn ngữ văn chương là ngôn ngữ của những tác phẩm nghệ thuật như tiểu thuyết, truyện ngắn, thơ ca, tùy bút, ký sự... Nó là một bộ phận của ngôn ngữ văn hóa nói chung.

Tuy nằm trong ngôn ngữ văn hóa nói chung nhưng ngôn ngữ văn chương có một vị trí đặc biệt. Như trên đã nói, mỗi phong cách có những nguyên tắc lựa chọn và tổ chức các phương tiện ngôn ngữ riêng của mình. Nhưng trong ngôn ngữ văn chương, chúng ta có thể tìm thấy những nhân tố của nhiều phong cách: phong cách hội thoại, phong cách chính luận, phong cách hành chính—sự vụ. Văn chương là một hình thức đặc biệt trong sự nhận thức và phản ánh thực tế. Các tác phẩm văn chương đã được sáng tạo theo quy luật của tư duy nghệ thuật. Nếu tư duy khoa học là nhờ các khái niệm thì tư duy nghệ thuật dựa vào những hình tượng. Nếu ngôn ngữ khoa học có tính chất lô gic chặt chẽ thì ngôn ngữ văn chương có tính gợi cảm rất cao qua việc tránh dùng những tên gọi trực tiếp. Nếu nội dung thông báo của tác phẩm khoa học có tính chính xác thì nội dung thông báo của tác phẩm nghệ thuật lại hàm chỉ nhiều cái khác nhau. Do đó, nó có thể thay đổi tùy theo bối cảnh không gian và thời gian. Nội dung khoa học tương đối độc lập với cách diễn đạt, còn nội dung của tác phẩm nghệ thuật gắn một cách hữu cơ với sự diễn đạt. Từ ngữ trong tác phẩm văn chương có sức hấp dẫn ngay trong bản thân nó.

Xét về mặt nào đó, *phong cách văn chương nghệ thuật có thể vượt ra khỏi phạm vi của ngôn ngữ văn hóa*. Với tư cách là phương tiện biểu hiện, phong cách nghệ thuật sử dụng cả những từ ngữ địa phương, những tiếng lóng và từ

(Xem tiếp trang 27)